

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động
sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của

Bộ Công Thương năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của
Thủ tướng Chính phủ)

Phần I

LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH RƯỢU

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm
mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 1.000911)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ: khoản 2 Điều 20 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,34%.

*** Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 1,711,905,378 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,137,309,492 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 574, 595, 886 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,56%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 2.000629)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

*** Nội dung cắt giảm:** (i) Bỏ Bản sao giấy phép đã được cấp (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ: điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*** Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 28,57%.

*** Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:**

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 130,504,487 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 83,775,303 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 46,729,184 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,8%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 1.001279)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ: khoản 2 Điều 20 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,34%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 131,500,404 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 89,963,352 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 41,537,052 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,58%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (Mã TTHC: 2.001636)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp (ii) Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế dưới 3 triệu lít/năm.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ: điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 28,57%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 97,601,994 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 57,033,468 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40,568,526 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,56%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (Mã TTHC: 2.001646)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (ii) Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế dưới 3 triệu lít/năm.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ: khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 30 %.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 60,680,170 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38,142,100 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 22,538,070 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,14%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (Mã TTHC: 1.003992)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (ii) Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế dưới 3 triệu lít/năm.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ: khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian thực hiện TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày.
- Thời gian thực hiện TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 28,57 %.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 28,274,602 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18,132,471 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10,142,132 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,87 %.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.004201)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (ii) Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế từ 3 triệu lít/năm trở lên.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

* Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

+ Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

- Sửa đổi điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,34%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,733,806 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,139,974 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,593,833 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,68 %.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.003992)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. (ii) Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế từ 3 triệu lít/năm trở lên.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

* Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

+ Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

- Sửa đổi điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,34%.

*** Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 4,353,298 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,531,775 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,821,253 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,84%.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.004007)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

*** Nội dung cắt giảm:** Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp (ii) Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế từ 3 triệu lít/năm trở lên.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

*** Nội dung đơn giản hóa:** Phân cấp từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

+ Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

- Sửa đổi điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

*** Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 07 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 28,57%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm: 10,022,333 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,468,526 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4,553,807 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45,43%.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp giấy phép phân phối rượu (Mã TTHC: 1.003977)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Bãi bỏ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương”

(ii) Cắt giảm thời gian cấp Giấy phép phân phối rượu từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký của doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

(iii) Bãi bỏ “Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu” trong thành phần hồ sơ.

- Lý do: Đảm bảo phù hợp, tương thích với nội dung đề xuất cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;
- Bãi bỏ khoản 6 Điều 21 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ;
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian thực hiện TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc
- Thời gian thực hiện TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 33,33%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu (Mã TTHC: 1.005376)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ “Bản sao giấy phép đã được cấp”; Cắt giảm thời gian cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phân phối rượu từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Lý do: Giấy phép phân phối do cơ quan cấp phép cấp cho doanh nghiệp vì vậy cơ quan cấp phép có thể tra cứu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan cấp phép, không cần yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại tài liệu này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

- Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian thực hiện TTHC trước khi cắt giảm: 07 ngày làm việc

- Thời gian thực hiện TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 28,57%.

12. Thủ tục hành chính 12: Cấp lại Giấy phép phân phối rượu (Mã số 1.003101)

12.1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực giấy phép, phương án cắt giảm thực hiện như thủ tục hành chính cấp mới giấy phép phân phối rượu.

12.2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

a) Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời gian cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian thực hiện TTHC trước khi cắt giảm: 07 ngày làm việc

- Thời gian thực hiện TTHC sau khi cắt giảm: 05 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 28,57%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 977.992.050 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 952.849.950 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 25.142.100 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9.7%.

13. Thủ tục hành chính 13: Cấp giấy phép bán lẻ rượu (Mã số 2.000620)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm:

(i) Bãi bỏ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.”

(ii) Cắt giảm thời gian cấp Giấy phép bán lẻ rượu từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Lý do: Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký của doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

(iii) Bãi bỏ “Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu”

+ Lý do: Đảm bảo phù hợp, tương thích với nội dung đề xuất cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh.

- Nội dung đơn giản hóa:

(i) Đơn giản hóa “Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.” Thành “Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu về hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.”

+ Lý do: Đảm bảo phù hợp, tương thích với nội dung đề xuất cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 23 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

- Sửa đổi khoản 3 Điều 23 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian thực hiện TTHC trước khi cắt giảm: 10 ngày làm việc

- Thời gian thực hiện TTHC sau khi cắt giảm: 07 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 30%.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu (Mã TTHC: 2.000615)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ “Bản sao giấy phép đã được cấp”: Cắt giảm thời gian cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phân phối rượu từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Lý do: Giấy phép phân phối do cơ quan cấp phép cấp cho doanh nghiệp vì vậy cơ quan cấp phép có thể tra cứu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan cấp phép, không cần yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại tài liệu này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

- Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian thực hiện TTHC trước khi cắt giảm: 07 ngày làm việc

- Thời gian thực hiện TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 28,57%.

15. Thủ tục hành chính 15: Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu (Mã TTHC: 2.001240)

15.1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực giấy phép, phương án cắt giảm thực hiện như thủ tục hành chính cấp mới giấy phép phân phối rượu.

15.2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

a) Nội dung cắt giảm:

- Cắt giảm thời gian cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 07 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 05 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 28,57%.

Phần II

LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (Mã TTHC: 2.000591)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b Khoản 1 Điều 24a Nghị định số 77/2016/NĐ-CP được bổ sung bởi Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 25 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 17 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 32%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12,244,167,125 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,398,318,345 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4,845,848,780 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (Mã TTHC: 2.000535)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b Khoản 1 Điều 24a Nghị định số 77/2016/NĐ-CP được bổ sung bởi Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.
- Sửa đổi Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 25 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 17 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 32%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,554,682,110 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,023,859,373 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 2,530,822,737 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,61%.

3. Thủ tục hành chính 3: Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã TTHC: 2.001682)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: Bỏ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực), Giảm 50% phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục cho doanh nghiệp. Khắc phục những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong quản lý sản xuất, kinh doanh. Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

* Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở kiểm nghiệm đặt trụ sở chính thực hiện.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Quyết định số 2533/QĐ-BCT ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ủy quyền Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ ký một số văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Sửa đổi Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý Nhà nước.

- Sửa đổi Quyết định số 3315/QĐ-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

- Sửa đổi Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 45 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 30%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 101,649,735 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 53,569,025 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 48,080,710 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 47,3%.

4. Thủ tục hành chính 4: Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã TTHC: 1.003951)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm:

- Giảm 50% phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Lý do: Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

* Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở kiểm nghiệm đặt trụ sở chính thực hiện.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Quyết định số 2533/QĐ-BCT ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ủy quyền Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ ký một số văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Sửa đổi Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý Nhà nước.

- Sửa đổi Quyết định số 3315/QĐ-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

- Sửa đổi Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 20 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,34%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 32,591,877 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21,261,167 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11,250,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,52%.

PHẦN III LĨNH VỰC Ô TÔ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (Mã TTHC: 1.003041)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm:

- Loại trừ đối tượng áp dụng các điều kiện kinh doanh đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô “phục vụ mục đích xuất khẩu”.

- Lý do: Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định ô tô lưu hành tại Việt Nam phải có tay lái bên trái. Do đó, các quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP phù hợp với ô tô được sản xuất, lắp ráp để lưu hành tại Việt Nam, đặc biệt là các dây chuyền, thiết bị kiểm tra chất lượng xuất xưởng (dành cho ô tô tay lái bên trái). Ngoài ra, ô tô sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước nhập khẩu. Do đó, yêu cầu về dây chuyền sản xuất có thể khác biệt so với các quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô để lưu hành tại Việt Nam, đặc biệt là trường hợp xe xuất khẩu có tay lái bên phải. Việc không áp dụng các điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô phục vụ mục đích xuất khẩu là cần thiết và phù hợp với thực tiễn, đồng thời giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

* Nội dung đơn giản hóa:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Việc kiểm tra, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô phải được lập thành biên bản theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Áp dụng chung 01 mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô thống nhất cho tất cả trường hợp cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại.

- Đơn giản hóa thông tin tại các Mẫu số 01, 04, 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

+ Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục cho doanh nghiệp. Khắc phục những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong quản lý sản xuất, kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương);

- Bổ sung gạch đầu dòng thứ 4 vào điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau: “- Phục vụ mục đích xuất khẩu”.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 1 Mục V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 10 kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

- Thay thế các Mẫu số 01,04,09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 5 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 7,102,524 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 7.102.524 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

PHẦN IV

LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển (Mã TTHC: 1.000981)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: Bỏ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bỏ số lượng hồ sơ từ 05 bản sao thành 01 bản sao.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục cho doanh nghiệp. Khắc phục những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong quản lý sản xuất, kinh doanh.

* Nội dung đơn giản hóa: Quy định đơn giản về hồ sơ đối với trường hợp cần điều chỉnh giấy xác nhận ưu đãi.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục cho doanh nghiệp. Khắc phục những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong quản lý sản xuất, kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung, sửa đổi Điều 11 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 119,560,426 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 82,004,184 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 37,556,242 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,4%.

PHẦN V

LĨNH VỰC THUỐC LÁ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Mã TTHC: 2.000640)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá..

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,34%.

* Về chi phí tuân thủ giải quyết TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 253,200,871 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 160,794,784 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 92,406,087 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,49%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Mã TTHC: 2.000637)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 10 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 30%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 226,727,827 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 134,321,740 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 92,406,087 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,75%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Mã TTHC: 2.000197)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: (i) Bỏ Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, (ii) Giảm 50% phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

- Lý do: (i) Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (ii) Cắt giảm mức thu phí tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,34%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 138,182,694 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 79,583,712 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 58,598,982 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,4%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 2.000626)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

- Lý do: Giảm bớt khâu trung gian trong hoạt động kinh doanh thuốc lá.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 9, Điều 10 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 10 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 71,266,459 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 71,266,459 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 2.000204)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

- Lý do: Giảm bớt khâu trung gian trong hoạt động kinh doanh thuốc lá.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 9, Điều 10, sửa đổi Điều 38 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 24,860,392 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 24,860,392 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 2.000622)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

- Lý do: Giảm bớt khâu trung gian trong hoạt động kinh doanh thuốc lá.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 9, Điều 10, sửa đổi Điều 39 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm, đơn giản hóa: 17,918,770 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 17,918,770 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

7. Thủ tục hành chính 7: Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu (Mã TTHC: 1.000949)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ thành phần hồ sơ bản sao Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Lý do: Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện.

+ Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 807,105 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 753,298 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 53,807 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%.

8. Thủ tục hành chính 8: Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC: 1.000172)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

* Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ thành phần hồ sơ bản sao Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

- Lý do: Cơ quan nhà nước có thể tự tra cứu các thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện.

- + Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép chế nguyên liệu thuốc lá trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Sửa đổi điểm d Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 807,105 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 753,298 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 53,807 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC: 1.001338)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm: cắt giảm điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại

Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. Cụ thể:

“b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012”

“d) Có văn bản giới thiệu mua bán của Nhà cung cấp thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh”

+ Lý do: Cắt giảm tối đa các TTHC không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, người dân

- Nội dung đơn giản hoá: đơn giản hoá điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thành: “Có hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên (tại địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải có tối thiểu 01 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá)”.

+ Lý do: Đã đề xuất bãi bỏ loại hình thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá theo đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 100.842.504 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 87.928.824 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.913.680 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,81%.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC: 1.001323)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm: cắt giảm điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. Cụ thể:

“b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012”

“d) Có văn bản giới thiệu mua bán của Nhà cung cấp thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh”

+ Lý do: Do các điều kiện đề nghị cắt giảm này đã nằm trong các văn bản QPPL có liên quan nên không cần quy định tại nghị định này. Từ đó, cắt giảm tối đa các TTHC không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, người dân

- Nội dung đơn giản hoá: đơn giản hoá điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thành: “Có hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên (tại địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải có tối thiểu 01 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá)”.

+ Lý do: Đã đề xuất bãi bỏ loại hình thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá theo đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 100.842.504 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 87.928.824 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.913.680 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,81%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC: 2.000598)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm: cắt giảm điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. Cụ thể:

“b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012”

“d) Có văn bản giới thiệu mua bán của Nhà cung cấp thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh”

+ Lý do: Do các điều kiện đề nghị cắt giảm này đã nằm trong các văn bản QPPL có liên quan nên không cần quy định tại nghị định này. Từ đó, cắt giảm tối đa các TTHC không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, người dân

- Nội dung đơn giản hoá: đơn giản hoá điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thành: “Có hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên (tại địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải có tối thiểu 01 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá)”.

+ Lý do: Đã đề xuất bãi bỏ loại hình thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá theo đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 100.842.504 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 87.928.824 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.913.680 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,81%.

PHẦN VI

LĨNH VỰC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

1. Thủ tục hành chính 1: Khai báo nhập khẩu đối với hàng hoá bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (Mã số TTHC: 1.000214)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC này.

- Lý do: TTHC này không phát sinh trên thực tế, không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 37/2019/TT-BCT, Thông tư số 42/2023/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 356,943,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 356,943,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

PHẦN VII

LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (Mã TTHC: 1.013403)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.
- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phân phối điện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 554.497.350 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 80.497.350 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 474.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 85,48%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (Mã TTHC: 1.013404)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.
- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phân phối điện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 197.380.700 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.380.700 đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 185.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 93,73%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (Mã TTHC: 1.013405)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phân phối điện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*** Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 407.563.415 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 44.406.045 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 363.157.370 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 89,10%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) (Mã TTHC: 1.013406)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.
- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Dự thảo Nghị định đề xuất phân cấp tăng thêm phạm vi từ Bộ Công Thương xuống UBND cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép hoạt động điện lực toàn bộ lĩnh vực phân phối điện, bán buôn điện và bán lẻ điện.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*** Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 500,809,633 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 247,852,061 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 252,957,572 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,99 %.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (Mã TTHC: 1.013407)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Dự thảo Nghị định đề xuất phân cấp tăng thêm phạm vi từ Bộ Công Thương xuống UBND cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép hoạt động điện lực toàn bộ lĩnh vực phân phối điện, bán buôn điện và bán lẻ điện.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 50,033,815 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17,568,526 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 32,465,289 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 64,9%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (mã TTHC: 1.013408)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Dự thảo Nghị định đề xuất phân cấp tăng thêm phạm vi từ Bộ Công Thương xuống UBND cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép hoạt động điện lực toàn bộ lĩnh vực phân phối điện, bán buôn điện và bán lẻ điện.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 389,892,100 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 148,867,752 đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 241,024,348 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61,8%.

7. Thủ tục hành chính 7: Thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (Mã TTHC: 1.013409)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Dự thảo Nghị định đề xuất phân cấp tăng thêm phạm vi từ Bộ Công Thương xuống UBND cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép hoạt động điện lực toàn bộ lĩnh vực phân phối điện, bán buôn điện và bán lẻ điện.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,614,210 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 986,526 đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 645,684 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng (Mã TTHC: 1.013410)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh việc đề xuất phân cấp phân quyền theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 155 và Kế hoạch 447 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó: Dự thảo Nghị định đề xuất phân cấp tăng thêm phạm vi từ Bộ Công Thương xuống UBND cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép hoạt động điện lực toàn bộ lĩnh vực phân phối điện, bán buôn điện và bán lẻ điện;

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 49,495,745 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 34,078,359 đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 15,417,386 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,15%.

PHẦN VIII

LĨNH VỰC DẦU KHÍ

1. Thủ tục hành chính 1: Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn (Mã số TTHC: 1.000862)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm: Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh thực hiện.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg 20 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 25 ngày

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 15 ngày

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 40 %.

2. Thủ tục hành chính 2: Phê duyệt các tài liệu về quản lý an toàn các hoạt động khoan tìm kiếm thăm dò dầu khí, xây dựng mới hoặc hoán cải công trình dầu khí, thu dọn công trình dầu khí (Mã số TTHC: 1.011690)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ Công Thương phân cấp cho Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp ban hành quyết định phê duyệt các tài liệu về quản lý an toàn.

- Lý do: Phù hợp với quy định về phân cấp, ủy quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 35 ngày

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 20 ngày

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 40 %.

PHẦN IX

LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận sản xuất, sửa chữa chai LPG (Mã số TTHC: 1.000475)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,33 %.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất, sửa chữa chai LPG (Mã số TTHC: 1.000742)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản:

- Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 29 %.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại giấy chứng nhận sản xuất, sửa chữa chai LPG (Mã số TTHC: 1.000455)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 29 %.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp giấy chứng nhận sản xuất, sửa chữa chai LPG (Mã số TTHC: 2.000304)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini
- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,33 %.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận sản xuất chai LPG mini (Mã số TTHC: 1.000742)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG
- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 29 %.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại giấy chứng nhận sản xuất, sửa chữa chai LPG (Mã số TTHC: 1.000709)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 29 %.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (Mã TTHC 2.001424)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm các điều kiện:

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG kinh doanh LPG chai;

- Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này còn phải có trạm cấp khí đáp ứng các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định này;

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC; điều kiện về chai LPG; điều kiện trạm cấp khí

(iii) Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm d, đ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (Mã TTHC: 1.005184)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm các điều kiện:

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG kinh doanh LPG chai;

- Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này còn phải có trạm cấp khí đáp ứng các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định này;

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC; điều kiện về chai LPG; điều kiện trạm cấp khí

(iii) Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm d, đ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (Mã TTHC: 1.000706)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm các điều kiện:

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;
- Có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG kinh doanh LPG chai;
- Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này còn phải có trạm cấp khí đáp ứng các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định này;

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC; điều kiện về chai LPG; điều kiện trạm cấp khí

(iii) Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm d, đ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/CNG/LNG (Mã TTHC 2.000142)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm điều kiện “Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này còn phải có trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định này”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện trạm cấp khí

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 30%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 320.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 260.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 60.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,75%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mã TTHC: 2.001283)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm điều kiện “Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan tài liệu chứng minh có hợp đồng bán LPG chai

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.000.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.000.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

12. Thủ tục hành chính 12: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (Mã TTHC: 2.000073)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm điều kiện “Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,5%.

13. Thủ tục hành chính 13: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (Mã TTHC: 2.000194)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm điều kiện “Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,5%.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (Mã TTHC: 2.000196)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm điều kiện “Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,5 %.

15. Thủ tục hành chính 15: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (Mã TTHC: 2.000387)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm điều kiện “Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,5%.

16. Thủ tục hành chính 16: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (Mã TTHC: 2.000163)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(i) Cắt giảm điều kiện “Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến điều kiện về PCCC

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,5%.

PHẦN X

LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

1. Thủ tục hành chính 1: Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương (Mã số TTHC: 1.013396)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp thẩm quyền phê duyệt từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh.
- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 182.976.084 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 177.702.998 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.273.086 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 2,9%.

2. Thủ tục hành chính 2: Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương (Mã số TTHC: 1.013397)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp thẩm quyền phê duyệt từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh.
- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ thực hiện TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 182.976.084 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 177.702.998 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.273.086 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 2,9%.

PHẦN XI

LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

1. Thủ tục hành chính 1: Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài (Mã số TTHC: 2.000026)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ Công Thương phân cấp giải quyết TTHC cho UBND cấp tỉnh.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Sửa đổi khoản 7 Điều 29 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 42,8%.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (Mã số TTHC: 2.000133)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ Công Thương phân cấp giải quyết TTHC cho UBND cấp tỉnh.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 30 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa 07 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 42,8%.

3. Thủ tục hành chính 3: Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (Mã số TTHC: 2.000131)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 7 Điều 29 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 42,8%.

4. Thủ tục hành chính 4: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (Mã số TTHC: 2.000001)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 30 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 42,8%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.001399)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 25%.

6. Thủ tục hành chính 6: Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.001391)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế điều khoản điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 28,6%.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.001384)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC
- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 28,6%.

8. Thủ tục hành chính 8: Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.001076)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC.
- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 28,6%.

9. Thủ tục hành chính 9: Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.001036)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC
- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế khoản 6 Điều 33 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 50%.

10. Thủ tục hành chính 10: Xây dựng đề án giải quyết Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (Mã số TTHC: 1.001016)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian công bố Quyết định phê duyệt đề án
- Giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ, cắt giảm thành phần hồ sơ (bỏ Bản sao không cần chứng thực quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc văn bản có giá trị tương đương)

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế điều Điều 10 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình: **Năm 2025**

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt đề án.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt đề án.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: **40%.**

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 198.141.340 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 97.253.215 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 100.888.125 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51%.

11. Thủ tục hành chính 11: Bổ sung đề án giải quyết Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (Mã số TTHC: 1.000982)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ, cắt giảm thành phần hồ sơ (bỏ Bản sao không cần chứng thực quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc văn bản có giá trị tương đương)

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế Điều 11 tại Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình: **Năm 2025**

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.604.540 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa 32.975.165 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 33.629.375 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,5%.

12. Thủ tục hành chính 12: Điều chỉnh, thay đổi nội dung giải quyết đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (Mã số TTHC: 1.001003)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian gửi đề xuất điều chỉnh, thay đổi nội dung giải quyết đề án

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức thực hiện TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi/bãi bỏ/thay thế khoản 1 Điều 13 tại Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: tối thiểu 15 ngày trước ngày đầu tiên diễn ra hoạt động xúc tiến thương mại.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: tối thiểu 10 ngày trước ngày đầu tiên diễn ra hoạt động xúc tiến thương mại.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 33,3%

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.860.700 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa 3.228.420 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.632.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45%

13. Thủ tục hành chính 13: Xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam (Mã số TTHC: 1.006622)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian đánh giá, thẩm định và công bố kết quả kết chọn

- Giảm số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ.

- Lý do: Tiết kiệm thời gian – chi phí cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp giải quyết TTHC đồng thời đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và cải cách hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg.

- Sửa đổi các điểm b, c, d, đ, i, k Khoản 3 Điều 8 Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 109 ngày làm việc kể từ ngày 01 tháng 5 của năm xét chọn cho đến trước ngày 30 tháng 9 của năm xét chọn.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 74 ngày làm việc kể từ ngày 01 tháng 5 của năm xét chọn.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 32,1%.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.828.903.025 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 770.785.275 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.058.117.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 72,8 %.

PHẦN XII

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC 1.000376)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh thực hiện.
- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37,727,890 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11,523,330 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 26,204,560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31 %.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.000361)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 535.228 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 212,386 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 322,842 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60 %.

3. Thủ tục hành chính 3: Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 2.000129)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND tỉnh.

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,952,280 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 957,105 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,995,175 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 68 %.

4. Thủ tục hành chính 4: Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.000358)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.
- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 535,228 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 50,965 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 484,263 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 90 %.

5. Thủ tục hành chính 5: Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.000168)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.
- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP
- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.421.315 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 269,035 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2,152,280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 89 %.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để giải quyết quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (Mã TTHC: 2.000370)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 54 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 42,912,355 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21,027,625 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 21,884,730 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51 %.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để giải quyết quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (Mã TTHC 2.000362)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 54 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25,747,413 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12,436,575 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13,310,838 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để giải quyết các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (Mã TTHC: 2.000351)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.

- Nội dung cắt giảm: Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/ND-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 54 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 965,861,100 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 521,166,500 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 444,694,600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46%.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ -CP (Mã số TTHC: 2.000272)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1

khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 23 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11,576,628 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,044,666 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9,531,962 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 82 %.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải giải quyết thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 2.000361)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 35 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 862,866,400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 515,405,100 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 347,461,300 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40 %.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải giải quyết thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC 1.000774)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 17 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 910,933,230 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 563,314,560 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 347,618,670 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38 %.

12. Thủ tục hành chính 12: Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại (Mã TTHC: 2.000322)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/ND-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 35 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 27,558,325 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,728,420 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 22,829,905 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 83 %.

13. Thủ tục hành chính 13: Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành của hàng tiện lợi, siêu thị mini (Mã TTHC 2.002166)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 17 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30,909,078 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21,361,888 đồng /năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9,547,190 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31 %.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (Mã TTHC 2.000662)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải xin ý kiến Bộ Công Thương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương, Bộ quản lý ngành quy định tại khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết căn cứ nội dung quy định tại Điều 10 và Điều 25

Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Cơ quan cấp giấy phép quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết các trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 13; khoản 3, 4, 5 Điều 28; khoản 6, 7, 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lý do: Theo chỉ đạo của Chính phủ về phân cấp, phân quyền thẩm định gắn với việc giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 55 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 55 %.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,948,704,954 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,696,467,699 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1,252,237,255 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42 %.

PHẦN XIII

LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.000350)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thực hiện quan điểm, chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương và phân định thẩm quyền gắn với giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.005405)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thực hiện quan điểm, chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương và phân định thẩm quyền gắn với giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.005406)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thực hiện quan điểm, chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương và phân định thẩm quyền gắn với giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (Mã TTHC: 1.000957)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

+ Lý do: Có thể tra cứu trên hệ thống phần mềm đăng ký kinh doanh.

- Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

+ Lý do: Thực hiện quan điểm, chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính

quyền địa phương và phân định thẩm quyền gắn với giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.194.740 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.576.479 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.618.261 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,4%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (Mã TTHC: 1.000905)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

+ Lý do: Có thể tra cứu trên hệ thống phần mềm đăng ký kinh doanh.

- Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

+ Lý do: Thực hiện quan điểm, chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương và phân định thẩm quyền gắn với giải quyết mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 77.501.849 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 56.301.891 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 21.199.958 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,4%.

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh (Mã TTHC 1.003438)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Giảm thời gian cấp giấy phép nhập khẩu tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và phân cấp cho UBND cấp tỉnh
- Lý do: rút ngắn thời gian cấp phép tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong phân cấp, phân quyền gắn với chính quyền 2 cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điều khoản 4 Điều 8 và Phụ lục IV tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương
- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1690 ngày
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1183 ngày làm
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 30%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.106.990 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 47.740.261 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.366.729 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,23%.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (Mã TTHC1.004155)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ: (i) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp; (ii) Văn bản của cơ quan điện lực nơi doanh nghiệp có kho, bãi xác nhận về việc kho, bãi có đủ nguồn điện lưới để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo sức chứa: 1 bản chính.

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân tỉnh

- Lý do:

+ Đơn giản hóa TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai giải quyết.

+ Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương không chỉ là cải cách mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b, điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.664.210 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 697.587 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 966.623 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58.08%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (Mã TTHC: 1.004181)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ 1 thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp.

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân tỉnh

- Lý do:

+ Đơn giản hóa TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai giải quyết.

+ Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương không chỉ là cải cách mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.126.140 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 697.607 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 428533 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38.05%.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng (Mã TTHC: 2.001758)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ 1 thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp.

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân tỉnh

- Lý do:

+ Đơn giản hóa TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai giải quyết.

+ Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương không chỉ là cải cách mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
- Sửa đổi khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.126.140 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 697.607 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 428.533 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38.05%.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.001062)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ 1 thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.
- Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Lý do:
 - + Đơn giản hóa TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai giải quyết.
 - + Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương không chỉ là cải cách mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.580.700 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.866.490 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.714.210 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30.72%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (Mã TTHC: 1.000890)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ 1 thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.
- Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân tỉnh
- Lý do:
 - + Đơn giản hóa TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai giải quyết.

+ Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương không chỉ là cải cách mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.395.175 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 966.642 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 428.533 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30.72 %.

12. Thủ tục hành chính 12: Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (Mã TTHC: 1.000551)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do:

+ Đơn giản hóa TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai giải quyết.

+ Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương không chỉ là cải cách mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 171.421 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 139.518 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.903 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14.16%.

13. Thủ tục hành chính 13: Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ (Mã TTHC: 1.000522)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Công Thương; Giảm thời gian giải quyết từ 22 ngày làm việc xuống 17 ngày làm việc.

- Lý do: Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ bảo đảm phù hợp nguyên tắc phân định thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính phủ năm 2025.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 36 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 22,73%.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (Mã TTHC: 1.000477)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ 1 thành phần hồ sơ: Công thư đề nghị của cơ quan có thẩm quyền của nước đề nghị cho hàng hóa quá cảnh gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương: 1 bản chính

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Lý do:

- + Đơn giản hóa TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai giải quyết.

- + Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương không chỉ là cải cách mà còn là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 36, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

15. Thủ tục hành chính 15: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (Mã TTHC: 1.001238)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm: Giảm thời gian xử lý hồ sơ cấp chứng nhận lưu hành tự do từ 3 ngày làm việc xuống 2 ngày làm việc.

+ Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Nội dung đơn giản hóa: Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

+ Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 3 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 2 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

16. Thủ tục hành chính 16: Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (Mã TTHC: 1.001104)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC này.

- Lý do: Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu hiện được giải quyết như quy trình cấp mới. Kể từ khi thủ tục này được ban hành năm 2018 chưa phát sinh hồ sơ nào. Do vậy, kiến nghị bãi bỏ. Trường hợp thương nhân có nhu cầu cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đề nghị giải quyết như TTHC cấp mới (mã 1.001238 ở trên) để tránh việc phải xây dựng và vận hành 02 thủ tục trên hệ thống DVC trực tuyến gây tốn kém chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 3 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

17. Thủ tục hành chính 17: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ (Mã TTHC: 1.000694)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).
- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.771.520.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.189.360.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.582.160.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

18. Thủ tục hành chính 18: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI (Mã TTHC: 2.000303)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 95.587.480.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 93.115.390.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.472.090.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,6%.

19. Thủ tục hành chính 19: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ (Mã TTHC: 1.000432)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O.

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.149.760.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.934.180.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.215.589.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

20. Thủ tục hành chính 20: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK (Mã TTHC: 1.000603)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.877.280.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.150.290.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.726.990.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

21. Thủ tục hành chính 21: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D (Mã TTHC: 1.000665)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 45.923.840.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.313.120.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.610.720.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

22. Thủ tục hành chính 22: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S (Mã TTHC: 1.000676)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O
- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O).
- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 431.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 350.350.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 80.850.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

23. Thủ tục hành chính 23: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ (Mã TTHC: 1.000686)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O
- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy

xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.414.560.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.399.330.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.015.230.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

24. Thủ tục hành chính 24: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC (Mã TTHC: 1.000664)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.814.240.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.474.070.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 340.170.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

25. Thủ tục hành chính 25: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK (Mã TTHC: 1.000431)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.373.120.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.365.660.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.007.460.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

26. Thủ tục hành chính 26: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu X (Mã TTHC: 2.000260)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

27. Thủ tục hành chính 27: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EAV (Mã TTHC: 1.000382)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.787.040.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.197.720.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 589.320.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,6%.

28. Thủ tục hành chính 28: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu CPTPP (Mã TTHC: 2.001372)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.019.360.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.390.730.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.628.630.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

29. Thủ tục hành chính 29: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AHK (Mã TTHC: 1.007968)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O
- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O).
- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 121.120.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 98.410.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 22.710.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

30. Thủ tục hành chính 30: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VN-CU (Mã TTHC: 1.008361)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O
- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy

xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.250.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.750.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

31. Thủ tục hành chính 31: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 (Mã TTHC: 1.008667)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 468.858.080.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 456.732.440.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.125.640.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,6%.

32. Thủ tục hành chính 32: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 trong UKVFTA (Mã TTHC: 1.010056)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 95.723.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 93.247.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.475.600.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,6%.

33. Thủ tục hành chính 33: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu RCEP (Mã TTHC: 1.010762)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.373.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.991.050.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.382.550.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

34. Thủ tục hành chính 34: Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM) (Mã TTHC: 1.001274)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cấp CNM dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)
- Lý do: Cấp CNM dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 55.650.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 55.650.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

35. Thủ tục hành chính 35: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B (Mã TTHC: 1.000450)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

+ Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)

+ Lý do: Cấp C/O dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp C/O. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 399.862.440.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 44.812.170.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 355.050.270.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,8%.

36. Thủ tục hành chính 36: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu DA59 (Mã TTHC: 1.000430)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

+ Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)

+ Lý do: Cấp C/O dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp C/O. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 97.440.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.920.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 86.520.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,8%.

37. Thủ tục hành chính 37: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (Mã TTHC: 1.000398)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

+ Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)

+ Lý do: Cấp C/O dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp C/O. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.712.120.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.872.910.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.839.210.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,8%.

38. Thủ tục hành chính 38: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Peru (Mã TTHC: 1.003477)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

+ Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)

+ Lý do: Cấp C/O dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp C/O. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 127.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.300.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 113.300.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,8%.

39. Thủ tục hành chính 39: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ (Mã TTHC: 1.003400)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.399.640.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.208.270.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 191.370.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,6%.

40. Thủ tục hành chính 40: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela (Mã TTHC: 1.002960)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

+ Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)

+ Lý do: Cấp C/O dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp C/O. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

41. Thủ tục hành chính 41: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP (Mã TTHC: 1.013642)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

+ Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)

+ Lý do: Cấp C/O dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp C/O. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 69.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 61.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,8%.

42. Thủ tục hành chính 42: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9 (Mã TTHC: 1.013643)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

+ Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử (dạng PDF, có chữ ký và con dấu điện tử của cơ quan, tổ chức cấp C/O kèm theo mã QR để xác minh tính xác thực)

+ Lý do: Cấp C/O dưới dạng điện tử phù hợp chủ trương Chính phủ điện tử và đơn giản hoá thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ hồ sơ giấy cho cả thương nhân và cơ quan, tổ chức cấp C/O. Rút ngắn thời gian xử lý và nhận kết quả, giúp thương nhân cắt giảm chi phí và tăng hiệu quả logistics. Tăng tính minh bạch, giảm rủi ro sai sót, sửa đổi, từ đó hạn chế phát sinh chi phí điều chỉnh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

(1) Giảm 50% mức thu phí C/O

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

(2) Cấp C/O dưới dạng điện tử

Triển khai trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 giờ làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 6 giờ làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 61.480.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.890.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 54.590.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88,8%.

43. Thủ tục hành chính 43: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu A (Mã TTHC: 1.000490)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O
- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).
- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.984.440.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.829.670.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 154.770.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,6%.

44. Thủ tục hành chính 44: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E (Mã TTHC: 1.000695)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm 50% mức thu phí C/O

- Lý do: Giảm 50% mức thu phí C/O giúp thương nhân tiết kiệm chi phí, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và biến động kinh tế. Đề xuất này khuyến khích thương nhân tận dụng ưu đãi thuế quan từ FTA, từ đó thúc đẩy xuất khẩu. Đây là giải pháp thiết thực nhằm giải quyết chủ trương cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ và cải thiện môi trường kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Lộ trình: Theo lộ trình sửa đổi Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ Tài chính.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 45.426.080.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.908.690.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.517.390.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8%.

PHẦN XIV

LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (Mã TTHC: 2.000147)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; Đơn giản hóa thành phần hồ sơ; Phân cấp giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-

CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 20 ngày và 8 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 15 ngày và 5 ngày làm việc;

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 25% đối với ngày và 37,5% đối với ngày làm việc.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 174.603.715 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.304.560 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 170.299.209 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,5%

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (Mã TTHC: 2.000046)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC và chi phí tuân thủ TTHC.

- Lý do: Giảm thời gian xử lý, giải quyết công việc của cơ quan quản lý nhà nước, bao gồm việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy, thời gian ra thông báo,... tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và sửa đổi Điều 15, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình: Theo tiến độ ban hành và có hiệu lực của Nghị định.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 8 ngày làm việc;
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày làm việc;
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 37,5%.

* Về chi phí tuân thủ giải quyết TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.909.616.620 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.946.199.190 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 1.963.417.430 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,2%

PHẦN XV

LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (Mã TTHC: 1.001271)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.
- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
- Sửa đổi Chương II Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,3%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 175.948.890 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.766.490 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 172.182.400 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,8%

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (Mã TTHC: 2.000618)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương II Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- * Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,3%.

- * Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 124.025.135 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.336.034 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 120.689.101 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,3%

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (Mã TTHC: 2.000613)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương II Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- * Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 05 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 03 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 40 %.

- * Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.667.498 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 564.794 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 7.102.524 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 92,6%

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (Mã TTHC: 1.000878)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương IV Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc

+ Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc

+ Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,3%.

- Về chi phí tuân thủ TTHC:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 175.948.890 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.766.490 đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 172.182.400 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,8%

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (Mã TTHC: 2.000401)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương IV Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết TTHC:

+ Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc

+ Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc

+ Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,3%.

- Về chi phí tuân thủ TTHC:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 124.025.135 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.336.034 đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 120.689.101 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,3%

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (Mã TTHC: 2.000251)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương IV Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 05 ngày làm việc

+ Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 03 ngày làm việc

+ Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 40 %.

- Về chi phí tuân thủ TTHC:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.667.498 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 564.794 đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 7.102.524 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 92,6%

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (Mã TTHC: 1.001292)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương V Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- + Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc

- + Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc

- + Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,3%.

- Về chi phí tuân thủ TTHC:

- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 175.948.890 đồng/năm

- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.766.490 đồng/năm

- + Chi phí tiết kiệm: 172.182.400 đồng/năm

- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,8%

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (Mã TTHC: 2.000628)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương V Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc

+ Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc

+ Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33,3%.

- Về chi phí tuân thủ TTHC:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 124.025.135 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.336.034 đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 120.689.101 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,3%

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (Mã TTHC: 2.000624)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp giải quyết TTHC từ cấp Trung ương xuống cấp tỉnh; Cắt giảm thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi Chương V Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

+ Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 05 ngày làm việc

+ Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 03 ngày làm việc

+ Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 40 %.

- Về chi phí tuân thủ TTHC:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.667.498 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 564.794 đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 7.102.524 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 92,6%

Phần XVI

LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Thủ tục hành chính 1: Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (mã TTHC: 2.000249)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm thủ tục hành chính (bãi bỏ).
- Lý do: Phân cấp, bãi bỏ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định trong Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 60 ngày
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 37.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương (mã TTHC: 2.000191)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đề xuất đơn giản hóa đối tượng giải quyết thủ tục hành chính: cụ thể cắt giảm đối với 06 nhóm lĩnh vực sau thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung ban hành kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ:

(i) Truyền hình trả tiền;

(ii) Dịch vụ viễn thông di động mặt đất (dịch vụ thoại, dịch vụ nhắn tin, dịch vụ truy nhập Internet);

(iii) Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ thoại, dịch vụ truy nhập Internet);

(iv) Vận chuyển hành khách đường hàng không;

(v) Vận chuyển hành khách đường sắt;

(vi) Mua bán căn hộ chung cư.

- Lý do: Nhằm triển khai giải quyết Nghị quyết số 192/2025/QH15 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, theo đó đòi hỏi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

- Ban hành Thông tư của Bộ Công Thương quy định về Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với 02 nhóm lĩnh vực sau:

(i) Cung cấp điện phục vụ mục đích sinh hoạt;

(ii) Cung cấp nước sinh hoạt.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 60 ngày

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày (*tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc 06 nhóm lĩnh vực đề xuất cắt giảm không phải giải quyết TTHC sau khi cắt giảm*).

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 58.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Phần XVII

LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (mã TTHC 1.000887)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.

- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần tại Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 25 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 79.985.780 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 79.616.745 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.690.035 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0.03 %.

2. Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (mã TTHC: 2.001608)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định Hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.

- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10, Điều 11 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 25 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 101,111,952 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 99,393,988 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1,717,964 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2 %.

3. Thủ tục hành chính 3: Thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp (mã TTHC: 1.003786)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

- Lý do: Cắt giảm thủ tục giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày

làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 100 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 62.987.085 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 62.987.085 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (mã TTHC: 1.003776)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.

- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 50 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 135.518 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 70.949 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 64.568 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 47.65 %.

5. Thủ tục hành chính 5: Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (mã TTHC: 1.003765)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định Hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.

- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10, Điều 11, Điều 14 Nghị định thay thế Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 25 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.977.156 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.902.826 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 74.330 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1.47 %.

6. Thủ tục hành chính 6: Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (mã TTHC 2.001573)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bộ Công Thương phân cấp cho UBND cấp tỉnh giải quyết; Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 7 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc; Giảm bớt thành phần hồ sơ.

- Lý do: Giải quyết theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Phân cấp tại Nghị định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17, Điều 18 Nghị định thay thế Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 50 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.763.347 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 222.944 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 1.540.403 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 87 %.

7. Thủ tục hành chính 7: Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (mã TTHC: 1.003705)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định thay thế Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 50 %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 700.468 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 689.707 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 10.761 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,54 %.

8. Thủ tục hành chính 8: Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương (mã TTHC: 2.000324)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thay thế cơ chế cấp xác nhận bằng cơ chế kiểm tra kiến thức, qua đó giúp cắt giảm thủ tục, tiết kiệm nguồn lực cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp; Bộ Công Thương phân cấp cho UBND cấp tỉnh giải quyết TTHC.

- Lý do: Giải quyết theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.679.470 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 12.679.470 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

9. Thủ tục hành chính 9: Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (mã TTHC: 2.000309)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc; Giảm thời gian công bố trên trang thông tin điện tử và gửi bản sao văn bản xác nhận tới Bộ Công Thương từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc.

- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*** Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 50 %.

10. Thủ tục hành chính 10: Đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (mã TTHC: 2.000631)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: giảm thời gian giải quyết TTHC từ 7 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.
- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.
- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*** Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 28,6% %.

11. Thủ tục hành chính 11: Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (mã TTHC: 2.000619)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.
- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.
- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 50 %.

12. Thủ tục hành chính 12: Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp (mã TTHC: 2.000609)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 7 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc; Đơn giản thành phần hồ sơ của TTHC.

- Lý do: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo tinh thần Nghị quyết 66 của Chính phủ

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025-2026

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết TTHC: 28,6% %.

* Về tổng chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 871.673.400 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa 774.820.800 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 96.852.600 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.11%.

Phần XVIII

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thủ tục hành chính 1: Đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT (Mã

TTHC: 1.000319)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ bản giấy
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 15 và khoản 1 Điều 16 Thông tư 47/2014/TT-BCT.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 12 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 41%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.534.979.503 (đồng/năm)
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.572.907.248 (đồng/năm)
- Chi phí tiết kiệm: 1.962.072.255 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30.02 %.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT
(Mã TTHC: 1.000821)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ bản giấy
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 15 Thông tư 59/2015/TT-BCT
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 12 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 41%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.232.085.125 đồng/ năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 895.791.375 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 336.293.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27.29%.

3. Thủ tục hành chính 3: Thông báo ứng dụng TMĐT bán hàng (Mã TTHC:1.003.390)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thủ tục thông báo, bỏ bước nhận kết quả trực tuyến; phân cấp TTHC cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 11 Thông tư 59/2015/TT-BCT.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 317.749.635 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 310.485.690 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7.263.945 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.29%.

4. Thủ tục hành chính 4: Thông báo website TMĐT bán hàng (Mã TTHC: 2.000.243)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thủ tục thông báo, bỏ bước nhận kết quả trực tuyến; phân cấp TTHC cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- + Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 10 Thông tư 47/2014/TT-BCT.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.737.490.736 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.775.791.632 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 961.699.104 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5.42%.

5. Thủ tục hành chính 5: Đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử (Mã TTHC: 1.010.834)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ bản giấy

- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC..

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 63 Nghị định 85/2021/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 27 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 20 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 26%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 67.281.136 đồng/ năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 65.882.154 đồng/bộ hồ sơ/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.398.982 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.08%.

6. Thủ tục hành chính 6: Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT (Mã TTHC: 1.000.880)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp TTHC từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 24 Thông tư 47/2014/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 165.615.104 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 122.569.504 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 43.045.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26%.

7.Thủ tục hành chính 7: Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT (Mã TTHC: 1.000782)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ.

- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 16 Thông tư 59/2015/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 29%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 107.393.088 đồng/ năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 81.565.728 đồng/ năm.

- Chi phí tiết kiệm: 25.827.360 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24.05%

8. Thủ tục hành chính 8: Sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT (Mã TTHC: 2.000443)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ.

- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 17 Thông tư 47/2014/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 29%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 819.361.681 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 624.849.376 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 194.512.305 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23.74%

9. Thủ tục hành chính 9: Hủy bỏ, chấm dứt đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử (Mã TTHC: 1.010836)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ.
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 7 Điều 63 Nghị định 85/2021/NĐ-CP.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 33%.

10. Thủ tục hành chính 10: Sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử (Mã TTHC: 1.010835)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ.
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 6 Điều 63 Nghị định 85/2021/NĐ-CP.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 5 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 29%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.841.156 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.518.134 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 322.842 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5.53%

11. Thủ tục hành chính 11: Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng TMDT bán hàng (Mã TTHC: 1.002968)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 12 Thông tư 59/2015/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 3 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 207.057.480 đồng/ năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/ năm.

- Chi phí tiết kiệm: 207.057.480 đồng/ năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

12. Thủ tục hành chính 12: Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website TMDT bán hàng (Mã TTHC: 1.000758)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC.

- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Thông tư 47/2014/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 3 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.086.473.857 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.086.473.857 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

13. Thủ tục hành chính 13: Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT (Mã TTHC: 1.000799)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 25 Thông tư 47/2014/TT-BCT.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.947.052 đồng/bộ hồ sơ/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.947.052 đồng/bộ hồ sơ/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

14. Thủ tục hành chính 14: Đăng ký lại ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT (MãTTHC: 1.003015)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 18 Thông tư 59/2015/NĐ-CP.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 486.108.175 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 486.108.175 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

15. Thủ tục hành chính 15: Đăng ký lại website cung cấp dịch vụ TMĐT (Mã TTHC: 1.000311)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC
- Lý do: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 19 Thông tư 47/2014/NĐ-CP.
- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 7 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 0 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 100%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.834.248.909 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.834.248.909 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Phần XIX

LĨNH VỰC XĂNG DẦU

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu (Mã TTHC: 1.005404)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm:

(i) Cắt giảm điều kiện “Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến phương tiện vận tải xăng dầu

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 25 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 25 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 16,6%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối kinh doanh xăng dầu (Mã TTHC: 2.000557)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm:

(i) Cắt giảm các điều kiện:

(1) Có kho, bể dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

(2) Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên;

(3) Có phòng thử nghiệm thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng dịch vụ thuê cơ quan nhà nước có phòng thử nghiệm đủ

năng lực kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng xăng dầu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng;

(4) Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến kho, bể chứa xăng dầu; phương tiện vận tải xăng dầu; phòng thử nghiệm; chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ PCCC, bảo vệ môi trường

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 22 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 13 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 22 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 30%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 46.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 34.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26.08%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mã TTHC: 2.000648)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm:

(i) Cắt giảm điều kiện “Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ PCCC, bảo vệ môi trường

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 50%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.000.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.000.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37.5%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mã TTHC: 2.000673)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung cắt giảm:

(i) Cắt giảm điều kiện “Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành”.

(ii) Thành phần hồ sơ (nếu có thay đổi): bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ PCCC, bảo vệ môi trường

(iii) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 7 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 60%.

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.000.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.000.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37.5 %.

Phần XX

LĨNH VỰC HOÁ CHẤT

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (mã số TTHC: 1.003820)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.100.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,21%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (mã số TTHC: 1.003775)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,09%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (mã số TTHC: 2.001585)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,9%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (mã số TTHC: 2.000431)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.700.000 đồng/năm.

Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 700.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,11%.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (mã số TTHC: 1.012429)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 480.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 160.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (mã số TTHC: 1.012430)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 700.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,6%.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (mã số TTHC: 1.012431)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 480.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 160.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.003724)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.900.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,98%.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 2.001722)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.214.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.783.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.431.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,95%.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.004031)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,92%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012438)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 180.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 93.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 87.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 48,33%.

12. Thủ tục hành chính 12: Cấp lại Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012439)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.390.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.430.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,08%.

13. Thủ tục hành chính 13: Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012440)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.700.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.400.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,8%.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012441)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.100.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.300.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,35%.

15. Thủ tục hành chính 15: Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012442)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.900.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.300.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,15%.

16. Thủ tục hành chính 16: Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012443)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.900.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,98%.

17. Thủ tục hành chính 17: Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 2.000257)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.

- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*** Về chi phí tuân thủ TTHC:**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.274.830.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.143.900.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.130.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,5%.

18. Thủ tục hành chính 18: Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012.432)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

*** Về chi phí tuân thủ TTHC:**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 480.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 160.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

19. Thủ tục hành chính 19: Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012433)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 710.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 450.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 260.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,62%.

20. Thủ tục hành chính 20: Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã số TTHC: 1.012434)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh giải quyết.
- Lý do: Việc phân cấp cho cơ quan UBND cấp tỉnh sẽ tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết, kiểm soát thủ tục hành chính, giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Quy định phân cấp tại Nghị định của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

* Về chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 480.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 160.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.